

Số: 02 /2020/CBTT-DBM  
"Công bố thông tin về Báo cáo thường  
niên năm 2019"

Đắk Lắk, ngày 03 tháng 03 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà nước.  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức phát hành:** Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Đắk Lắk.  
**Mã chứng khoán:** DBM
- Trụ sở chính** : 9A Hùng Vương, Phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk.
- Điện thoại** : 02623.812394
- Fax** : 02623.858805
- Loại thông tin công bố:** Định kỳ.
- Người thực hiện công bố thông tin:** Ông Phan Thành Trinh- Ủy viên HĐQT kiêm TGD.
- Nội dung thông tin công bố:**

Công ty cổ phần Dược- Vật tư y tế Đắk Lắk công bố thông tin về báo cáo thường niên năm 2019 được lập ngày 02/03/2020 theo Phụ lục số 04 - Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thông tin này đã được công bố trên trang điện tử của công ty vào ngày 03/03/2020, tại địa chỉ: "<http://bamepharm.com.vn>", chuyên mục "**Cổ đông**".

Chúng tôi cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đăng tải website công ty;
- Lưu Người PTQTCT.

**Tài liệu đính kèm:** Báo cáo thường niên 2019

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**PHAN THÀNH TRINH**

**PHỤ LỤC SỐ 04**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

*Đắk Lắk, ngày 02 tháng 03 năm 2020*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮK LẮK**  
**Năm báo cáo: 2019**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát:**

Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Đắk Lắk.**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **6000449389**

Vốn điều lệ: **19.415.880.000 đồng**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **19.415.880.000 đồng**

Địa chỉ: **09A Hùng Vương, Phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk**

Số điện thoại: **02623.812394**

Số fax: **02623.858805**

Website: **<http://www.bamepharm.com.vn>**

Mã cổ phiếu: **DBM**

**\* Quá trình hình thành và phát triển**

Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).

Ngày thành lập Công ty: 14/04/1976.

Ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần: 31/12/2003 với 51% vốn điều lệ do SCIC nắm giữ và chi phối. Tháng 10/2012, 51% phần vốn góp của SCIC được chuyển nhượng cho Công ty cổ phần Traphaco.

Thời điểm niêm yết: Công ty niêm yết trên sàn UpCOM vào tháng 08/2010.

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất.

Mua bán thuốc, dược phẩm, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất xét nghiệm. Mua bán thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện. Mua bán các sản phẩm chức năng và dinh dưỡng.

Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất.

Địa bàn kinh doanh chính của Công ty tại 02 tỉnh: Đắk Lắk và Đắk Nông.

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.**

**- Mô hình quản trị.**

Mô hình quản trị của Công ty được cơ cấu theo mô hình trực tuyến-chức năng.

**- Cơ cấu bộ máy quản lý.**

Bộ máy quản lý của Công ty được cơ cấu như sau:

+ Quản lý cấp cao: Ban Tổng Giám đốc điều hành.

+ Quản lý cấp trung: Gồm Kế toán trưởng, Giám đốc kinh doanh, các Trưởng phòng: Kế toán - Tài chính, Kế hoạch-Nghiệp vụ, Tiếp thị bán hàng, Tổng hợp nội vụ, Đảm bảo chất lượng và Giám đốc các chi nhánh.

+ Quản lý cấp cơ sở: Phó phòng, Phó Giám đốc chi nhánh, Trưởng kho, Tổ trưởng và Trưởng Nhà thuốc, Phụ trách Nhà thuốc, Phụ trách chi nhánh.

- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết): Không

#### 4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2019.

+ Hoàn thành tổng doanh thu: 300 tỷ đồng.

+ Hoàn thành doanh thu Traphaco: 40 tỷ đồng.

+ Hoàn thành doanh thu Gia công nhập khẩu: 18 tỷ đồng.

+ Năng suất lao động: 161 triệu đồng/người/tháng.

+ Thu nhập bình quân: 6,5 triệu đồng/người/tháng.

+ Lợi nhuận sau thuế: 07 tỷ đồng.

+ Áp dụng KPI cho bộ phận phòng, ban và đơn vị cơ sở

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

##### **Chiến lược về quản lý:**

Duy trì mô hình quản lý trực tuyến chức năng nhằm đảm bảo sự chỉ đạo kịp thời và có tính thống nhất cao.

Quản trị chi phí và rủi ro: Ứng dụng công nghệ thông tin để kiểm soát hoạt động doanh thu và chi phí. Tập trung rà soát và giảm các khoản chi phí: điện, văn phòng phẩm, vận chuyển,... Điều hành linh hoạt trong chính sách tín dụng nhằm hạn chế rủi ro.

Tiền lương: Duy trì định mức khoán tiền lương đối với các đơn vị trực thuộc, đảm bảo chi trả lương trên cơ sở năng lực và hiệu quả công việc.

Gia tăng chất lượng dịch vụ: Đáp ứng thời gian giao hàng < 30h và cung ứng tận nơi nhằm gia tăng giá trị thương hiệu, gia tăng doanh thu, đảm bảo lợi nhuận.

Khai thác hiệu quả tài sản cố định: Đánh giá hiệu quả sử dụng các tài sản cố định có gắn liền với đất (bao gồm đất thuê và đất sở hữu).

Hoạt động đoàn thể: Phối hợp và giao trách nhiệm cụ thể cho các tổ chức đoàn thể giải quyết các vướng mắc về tư tưởng, động viên, khích lệ các thành viên trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại doanh nghiệp một cách hiệu quả.

##### **Chiến lược về đầu tư:**

Thực hiện GPs: Ổn định, đảm bảo pháp lý của mạng lưới. Thẩm định kịp thời các GPs đến hạn đảm bảo chất lượng sản phẩm và các quy chuẩn về bảo quản và phân phối..

Đầu tư xây kho chuẩn GSP tại Krông Pắc; Bổ sung 01 xe nâng hàng hóa tại Tổng kho, Trang bị 01 xe ô tô cho CN Krông Pắc – Ea Kar, đầu tư sửa chữa NT trung tâm EaH'leo

Phương tiện làm việc: Trên cơ sở nhu cầu phát triển doanh thu và thực hiện mục tiêu của Công ty, sẽ đầu tư trang bị phương tiện làm việc phù hợp và mang lại hiệu quả cao.

##### **Chiến lược thị trường**

Sản phẩm kinh doanh chính: Tập trung khai thác sản phẩm chủ lực mà Công ty có lợi thế và tăng cường độ phủ thị trường nhằm gia tăng lợi nhuận và tăng thị phần .

Chăm sóc khách hàng: Phân bổ ngân sách từ đầu năm kế hoạch để đơn vị chủ động xây dựng và đưa ra các định hướng chăm sóc khách hàng, nhằm thực hiện được các mục tiêu đã đặt ra.

Nhà cung cấp chủ lực: Xác định nhà cung cấp chủ lực nhằm tạo lợi thế khác biệt về chi phí so với đối thủ cạnh tranh.

Phát triển thương hiệu: Tận dụng các cơ hội để quảng bá hình ảnh và nâng cao thương hiệu Bamepharm thông qua chương trình Hội nghị trị ân khách hàng năm 2019

### **Chiến lược lãnh đạo**

Phong cách lãnh đạo: Vận dụng linh hoạt phong cách lãnh đạo đối với từng đối tượng cụ thể trên cơ sở lấy mục tiêu và lợi ích chung của Công ty làm trọng tâm.

Xây dựng văn hóa tổ chức: Truyền thông thông điệp năm 2019 “Năm hiệu quả công việc”.

Người quản lý: Xây dựng đội ngũ quản lý của Công ty phải có trình độ, kiến thức về nghiệp vụ đảm trách và năng lực về quản lý

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

\* Đảm bảo chất lượng sản phẩm phân phối ra thị trường với mục tiêu vì sức khỏe cộng đồng.

\* Thực hiện chăm lo, chia sẻ với cộng đồng thông qua các hoạt động thiện nguyện.

\* Kinh doanh phân phối vì môi trường xanh, sạch.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường).

\* Chính sách pháp luật của nhà nước về kinh doanh ngành nghề của Công ty chưa ổn định.

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đồng thời đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (UpCOM), hoạt động của Công ty cổ phần Dược-Vật tư y tế Đắc Lắc chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán bao gồm Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản dưới luật và các quy định đối với công ty đăng ký giao dịch. Đặc biệt trong lĩnh vực chuyên môn Công ty chịu tác động, chi phối bởi Luật Dược (bổ sung, sửa đổi 2016) đã tác động lớn đến hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty. Mặt khác thực hiện Quyết định số 5071/QĐ-BYT ngày 17/08/2018 của Bộ Y tế về việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin kết nối cơ sở cung ứng thuốc nhằm kiểm soát kê đơn thuốc và bán thuốc kê đơn đã ảnh hưởng lớn đến hệ thống mạng lưới của Công ty.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

*DVT: triệu đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thực hiện 2018</b>	<b>Thực hiện 2019</b>	<b>Tỷ lệ (%) 2019/2018</b>
Tổng doanh thu	261,442	265,577	1.58%
Chi phí kinh doanh	24,688	25,864	4.76%
Lợi nhuận trước thuế	8,073	8,770	8.63%
Lợi nhuận sau thuế	6,513	7,090	8.86%
Đòn bẩy tài chính (FL)	1.8	1.87	3.89%
LN trước thuế / Tổng doanh thu(%)	3.09%	3.30%	6.94%
EPS	3355	3652	8.85%

## 2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

### \* Ban Tổng Giám đốc điều hành:

a. Tổng Giám đốc: Phan Thành Trinh – Sinh năm 1979 – Thạc sĩ, Bác sĩ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 18.307 cổ phần tương đương 0,94%/ Vốn điều lệ Công ty.

b. Phó Tổng Giám đốc: Trần Anh Tuấn – Sinh năm 1976 – Thạc sĩ QTKD.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 30 cổ phần tương đương 0,002%/ Vốn điều lệ Công ty.

### \* Các chức vụ quản lý khác:

a. Giám đốc kinh doanh: Nguyễn Bá Lộc – Sinh năm 1972 – Cử nhân kinh tế.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 2.700 cổ phần tương đương 0,14%/ Vốn điều lệ Công ty.

b. Trưởng phòng Kế toán-Tài chính: Nguyễn Văn Hoàng – Sinh năm 1978 – Cử nhân kế toán.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần tương đương 0%/ Vốn điều lệ Công ty.

c. Kế toán trưởng: Lê Thị Mỹ Lệ – Sinh năm 1980 – Cử nhân kế toán.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần tương đương 0%/Vốn điều lệ công ty.

- Những thay đổi trong Ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm):

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Đến thời điểm 31/12/2019, số lượng CBNV tại Công ty là 154 người.

Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và các quy chế, chính sách của Công ty đối với người lao động, bao gồm các chính sách: tiền lương, tiền thưởng, khen thưởng, kỷ luật, nội quy lao động, chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, BHXH, ốm đau, thai sản, an toàn vệ sinh lao động, bổ nhiệm, tuyển dụng, đào tạo,... Sử dụng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi nhằm động viên khuyến khích người lao động tăng cường hiệu quả công việc, gắn bó với doanh nghiệp.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết):

Duy trì vốn góp tại Bệnh viện Mắt Tây Nguyên: 500 triệu đồng

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết): Không

## 4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

DVT: 1000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm 2019/2018
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	95,481,746	96,163,020	0.71%
Doanh thu thuần	260,879,772	265,508,401	1.77%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7,338,833	7,168,634	-2.32%
Lợi nhuận khác	734,878	1,601,402	117.91%
Lợi nhuận trước thuế	8,073,711	8,770,037	8.62%
Lợi nhuận sau thuế	6,513,569	7,090,034	8.85%

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

DVT: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Tỷ lệ %
<b>I. TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>95,481,746</b>	<b>96,163,020</b>	<b>0.71%</b>
<b>1. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>89,773,855</b>	<b>91,051,132</b>	<b>1.42%</b>
1.1 Tiền và các khoản tương đương tiền	13,048,885	20,200,727	54.81%
1.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	9,400,000	14,500,000	54.26%
1.3 Các khoản phải thu ngắn hạn	33,457,213	23,917,365	-28.51%
1.4 Hàng tồn kho	33,655,405	32,323,051	-3.96%
1.5 Tài sản ngắn hạn khác	212,350	109,987	-48.20%
<b>2. Tài sản dài hạn</b>	<b>5,707,891</b>	<b>5,111,887</b>	<b>-10.44%</b>
2.1 Tài sản cố định	5,207,891	4,611,887	-11.44%
2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	500,000	500,000	0.00%
2.3 Tài sản dài hạn khác	0		
<b>II. TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>95,481,746</b>	<b>96,163,020</b>	<b>0.71%</b>
<b>1. Nợ phải trả</b>	<b>40,121,727</b>	<b>37,919,259</b>	<b>-5.49%</b>
1.1 Nợ ngắn hạn	40,121,727	37,919,259	-5.49%
1.2 Nợ dài hạn	0		
<b>2. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>55,360,019</b>	<b>58,243,760</b>	<b>5.21%</b>
2.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19,415,880	19,415,880	0.00%
<b>III. CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN</b>			
ROE	0.12	0.12	3.46%
ROA	0.068	0.074	8.08%
ROS	0.025	0.027	6.95%
EPS	3,355	3,652	8.85%
P/E ( P = 30.600)	0.116	0.119	3.16%
Chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh	1.40	1.55	10.73%
D/A	0.42	0.39	-6.16%
D/E	0.72	0.65	-10.17%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của

công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

Tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành: **1.941.588 cổ phần** (không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng).

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

\* Cổ đông lớn: Công ty cổ phần Traphaco (chiếm 58,21%); America LLC (chiếm 22,57%)

\* Cổ đông nhỏ lẻ chiếm: 19,21%

- Cổ đông là tổ chức trong nước: Công ty CP Traphaco (58,21%); America LLC (22,57%); Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (0,0014%); Công ty TNHH Chứng khoán NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam (0,00025%).

- Cổ đông là tổ chức nước ngoài: America LLC (22,57%).

- Cổ đông là cá nhân nước ngoài chiếm: 1,06%.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v.: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch.

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 04 cổ phiếu

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn cung cấp nước chính: Công ty TNHH MTV cấp nước và đầu tư xây dựng Đắc Lắc.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

Hiện tại Công ty không có hệ thống tái chế sử dụng lại các nguồn nước qua sử dụng

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Số lao động 154 người. Mức thu nhập bình quân 07 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Thực hiện theo Luật lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Quy chế làm việc nội bộ, Thỏa ước lao động tập thể và pháp luật có liên quan.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Trong 2019 đào tạo theo chuyên đề “*Tư duy mới-Thành công mới*” cho 80 CBNV với tổng chi phí 245 triệu đồng và đào tạo kiến thức GPP cho hệ thống mạng lưới trực thuộc Công ty.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

Tham gia các phong trào kết nghĩa thôn buôn, Đồn biên phòng; khám chữa bệnh và phát thuốc miễn phí cho đồng bào xã Yang Mao, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk trị giá 20 triệu đồng; Thực hiện các chương trình từ thiện khác trị giá 50 triệu đồng. Tham gia giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn doanh nghiệp đứng chân: Năm 2019 Công ty được cấp thẩm quyền chứng nhận đơn vị an toàn về an ninh-trật tự.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

**Lưu ý:** (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)**

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

+ Nâng cao năng lực đấu thầu qua các hoạt động: Củng cố sản phẩm, tăng cường mối quan hệ, giảm chi phí trung gian nâng cao năng lực cạnh tranh về giá.

+ Nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng như: đảm bảo đầy đủ về hàng hóa, đảm bảo thời gian giao hàng < 30h, tăng cường công tác chăm sóc và giải quyết những khiếu nại của khách hàng kịp thời.

+ Năng suất lao động không đạt kế hoạch do tổng doanh thu không đạt kế hoạch.

+ Thực hiện tạo độ phủ sản phẩm chủ lực đến > 800 khách hàng.

+ Kết nối các nhà cung cấp chủ lực có sự liên kết chặt chẽ với Công ty.

+ Nhóm sản phẩm đã từng bước chiếm thị phần gồm gia công nhập khẩu và Traphaco.

Mặc dù có những cải tiến về chất lượng sản phẩm và dịch vụ, tuy nhiên kết quả tổng doanh thu vẫn không đạt so với kế hoạch.

\* Nguyên nhân:

Với chỉ tiêu điều trị (ETC) tuy so với kế hoạch chỉ đạt 90% nhưng tăng trưởng 8,8% so với năm 2018, chủ yếu do doanh thu điều trị tại tỉnh Đắk Nông đã được khai thác triệt để, kết quả thầu các địa bàn khác trúng thầu ít nên không đạt kế hoạch đề ra.

Đối với chỉ tiêu bán lẻ (OTC) chỉ đạt 90% so với kế hoạch giao, tăng trưởng 1,5% so với năm 2018 là do tình hình kinh tế tại địa phương chưa được cải thiện, thị phần bị chia sẻ chưa có phương án hữu hiệu để kiểm soát hệ thống và tăng doanh thu.

2. Tình hình tài chính

Về tổng tài sản tăng nhẹ so với năm 2018 (+0,71%). Năm 2019 các khoản phải thu phải thu khách hàng được kiểm soát tốt hơn (nợ phải thu giảm 28,5% so với cùng kỳ) nên làm tăng lượng tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn. Tài sản dài hạn giảm so với 2018 là 10,4% chủ yếu là khấu hao tài sản cố định.

Về nguồn vốn trong năm 2019 có tỷ lệ nợ phải trả/tổng tài sản (D/A) giảm so với cùng kỳ là 6,1% và vốn chủ sở hữu tăng 5,2% so với cùng kỳ. Ghi nhận trong khoản mục nợ phải trả toàn bộ là



nợ ngắn hạn giảm so với cùng kỳ nguyên nhân do tác yêu cầu về thời gian trả nợ cũng như gia tăng các khoản thanh toán nhanh. Năm 2019 công ty không sử dụng vốn vay cho hoạt động kinh doanh.

Đánh giá các chỉ số tài chính cơ bản: Đối với chỉ số ROE tăng 3,46% do lợi nhuận sau thuế tăng 8,85% so với cùng kỳ; tổng tài sản chỉ tăng nhẹ là 0,71%, tuy nhiên chỉ số ROA tăng đến 8,08% do lợi nhuận sau thuế đạt 100% kế hoạch và tăng 8,85% so cùng kỳ. Tổng doanh thu tăng 1,58% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế tăng 8,85% so với cùng kỳ dẫn đến ROS tăng tỷ lệ 6,95%.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.*

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai.*

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần):* Không

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.*

a. Đối với hoạt động thị trường:

- Giữ vững khách hàng truyền thống, mở rộng khách hàng ngoài hệ thống.
- Phát triển doanh thu sản phẩm chủ lực
- Nâng cao chất lượng dịch vụ về thời gian giao hàng < 30h.
- Đảm bảo cho khách hàng các quyền lợi từ các chính sách bán hàng
- Xác định sản phẩm mang thương hiệu, mở rộng thị trường và phát triển sản phẩm có chiều sâu.

b. Đối với hoạt động nhân sự:

- Sắp xếp, bố trí nhân sự khai thác có hiệu quả năng suất lao động
- Xây dựng văn hóa: Trách nhiệm với nhiệm vụ và thương hiệu công ty đi đôi với hiệu quả hoạt động kinh doanh.

c. Đối với hoạt động tài chính

- Thực hiện các chính sách tín dụng hỗ trợ kịp thời cho hoạt động kinh doanh.
- Đề ra các giải pháp tài chính để quản trị hoạt động đảm bảo sử dụng chi phí hợp lý.
- Sử dụng vốn an toàn và hiệu quả, đảm bảo lợi nhuận.

d. Hoạt động chuyên môn:

- Nâng cao chất lượng hoạt động GPs
- Đảm bảo hàng hóa giao đến cho khách hàng đúng lô hàng, hạn dùng theo qui định.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.*

- Ban Tổng Giám đốc có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng.
- Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chủ trương, nghị quyết của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc công ty đã tổ chức điều hành tốt mọi hoạt động của Công ty theo kế hoạch đã được Đại hội thông qua và Nghị quyết, Quyết định của HĐQT qua các kỳ họp.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.*

- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu mà ĐHCĐ 2020 thông qua
- Củng cố, duy trì và nâng cao các mối quan hệ nhằm thúc đẩy tăng trưởng doanh thu ETC, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
- Củng cố và mở rộng hệ thống phân phối nhằm tạo độ phủ, phát triển thị trường OTC bền vững.
- Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục phát huy công tác thu hồi công nợ. Đặc biệt là công nợ điều trị.
- Phát triển ổn định sản phẩm chiến lược tạo lợi thế cạnh tranh như: Sản phẩm Traphaco, sản phẩm gia công nhập khẩu,...
- Kiểm soát chi phí, giám sát hoạt động đầu tư đạt hiệu quả, đảm bảo an toàn vốn và lợi nhuận.
- Tiếp tục hoàn thiện việc xây dựng văn hoá doanh nghiệp, nâng cao thương hiệu Bamepharm, thông qua thông điệp của năm 2020 “Xây dựng văn hoá Bamepharm giai đoạn mới”.

- Tăng cường công tác đào tạo nhằm nâng cao năng lực điều hành quản lý để hoạt động kinh doanh
- Duy trì các hoạt động quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn GPs: GDP, GPP, GSP. Đảm bảo 100% sản phẩm lưu thông trên thị trường đạt chất lượng

**V. Quản trị công ty** (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

### 1. Hội đồng quản trị.

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

- + Ông Nguyễn Mậu Hoàng Sơn – Chủ tịch HĐQT. Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0%/VĐL
- + Bà Nguyễn Thị Kim Liên – Phó Chủ tịch HĐQT. Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 1,14%/VĐL
- + Ông Đinh Trung Kiên – Thành viên HĐQT. Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0%/VĐL  
(Đại diện vốn Traphaco tại Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Đắk Lắk)
- + Ông Phan Thành Trinh – Thành viên HĐQT kiêm TGD. Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0,94%/VĐL
- + Ông Nguyễn Bá Lộc – Thành viên HĐQT. Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0,14%/VĐL

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban.

- + Tiểu Ban nhân sự: 03 thành viên (Nguyễn Mậu Hoàng Sơn, Phan Thành Trinh, Trần Anh Tuấn)
- + Tiểu Ban chiến lược : 03 thành viên (Phan Thành Trinh, Nguyễn Bá Lộc, Huỳnh thị Cẩm Vân)
- + Tiểu Ban giám sát: 03 thành viên (Nguyễn Thị Kim Liên, Nguyễn Văn Thông, Văn Công Định)

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Trong năm 2019, HĐQT công ty đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ, nội dung các cuộc họp được ghi biên bản và ban hành thành các Nghị quyết nhằm triển khai thực hiện trên cơ sở cụ thể hóa Nghị Quyết của ĐHCĐ năm 2019. HĐQT đã thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp.

Các thành viên HĐQT tham gia họp đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển của Công ty, góp phần vào kết quả kinh doanh năm 2019.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

### 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

- + Ông Nguyễn Văn Thông – Trưởng BKS. Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0%/VĐL
- + Ông Trần Văn Lợi – Thành viên BKS. Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0%/VĐL
- + Bà Nguyễn Thị Hồng Anh – Thành viên BKS. Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0%/VĐL

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Trong năm 2019 BKS đã tổ chức 03 cuộc họp với sự tham dự của 100% thành viên BKS. Các cuộc họp được tổ chức tuân thủ các quy định. Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thông qua việc kiểm soát, HĐQT đánh giá được hiệu quả điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động kinh doanh, trong việc tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT, các kế hoạch kinh doanh và giải pháp thực hiện.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập của CBNV	Thù lao HĐQT, BKS		Tổng cộng (VNĐ)
				HĐQT & BKS	Người PT QTCT - Thư ký HĐQT	
1	Nguyễn Mậu Hoàng Sơn	Chủ tịch HĐQT		48,300,000		48,300,000
2	Nguyễn Thị Kim Liên	Phó Chủ tịch HĐQT		43,400,000		43,400,000
3	Đình Trung Kiên	Thành viên HĐQT		34,500,000		34,500,000
4	Phan Thành Trinh	-Thành viên HĐQT -Tổng Giám đốc	286,288,382	41,500,000		327,788,382
5	Nguyễn Bá Lộc	-Thành viên HĐQT -Giám đốc kinh doanh	247,065,112	37,500,000		284,565,112
6	Nguyễn Văn Thông	-Trưởng BKS -Tổ trưởng KT	105,487,351	40,050,000		145,537,351
7	Trần Văn Lợi	Thành viên BKS		33,375,000		33,375,000
8	Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS		30,375,000		30,375,000
9	Trần Anh Tuấn	-Phó Tổng Giám đốc -Người PTQTCT -Thư ký HĐQT	251,757,102		27,000,000	278,757,102
10	Nguyễn Văn Hoàng	Trưởng phòng KTTC	153,403,091			153,403,091
11	Lê Thị Mỹ Lệ	Kế toán trưởng	196,558,657			196,558,657

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty.

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHAN THÀNH TRINH**